

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2026

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Văn Thành Theo.
- Ông Lê Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 936/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị Thảo S**, sinh năm: 1983; CCCD số: 072183011281, cấp ngày 22-11-2024; địa chỉ: Số G, tổ C, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Hà Quốc T**, sinh năm: 1985; CCCD số: 072085002774, cấp ngày 04-9-2025; địa chỉ: Số B, đường số B, đường L, khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-11-2025 và lời khai tại Tòa án của nguyên đơn, chị Lâm Thị Thảo S trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Quốc T tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh

(nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 23-12-2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên gia đình chồng. Quá trình chung sống, sau khi chị sinh con chung được thời gian khoảng 03 tháng đến 04 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ cãi vã nhau, có lần anh T đánh chị, cách nay khoảng 02 tháng anh T không đi làm, không chăm lo cho gia đình, chị phải đi làm lo cho gia đình, từ khoảng đầu tháng 03-2026 cho đến nay chị ra ngoài sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Có 01 người con chung tên Hà Thị Kiều T1, sinh ngày 06-11-2023, hiện nay cháu Kiều T1 đang sống với anh T, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, trường hợp anh T yêu cầu nuôi con thì chị đồng ý giao con cho anh T, nhưng khi chị đến thăm gặp con thì anh T phải cho chị thăm gặp con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Hà Quốc T trình bày như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian quen biết khoảng 04 năm anh và chị Lâm Thị Thảo S tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 23-12-2024. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến tháng 4-2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị S thường xuyên bỏ nhà đi, mỗi ngày chị S ở nhà chỉ khoảng 04 tiếng nên từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung. Nay chị S xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có 01 người con chung tên Hà Thị Kiều T1, sinh ngày 06-11-2023, hiện nay cháu Kiều T1 đang sống với anh, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thảo S; về hôn nhân: Chị Lâm Thị Thảo S được ly hôn với anh Hà Quốc T; về con chung: Giao con chung cho anh T nuôi, ghi nhận anh T không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lâm Thị Thảo S khởi kiện xin ly hôn với anh Hà Quốc T; về con chung: chị S yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn, anh Hà Quốc T có nơi thường trú tại phường B, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Thảo S và anh Hà Quốc T tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 23-12-2024, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị S và anh T thống nhất cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng vào khoảng đầu năm 2025, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung thường xuyên gây gỗ cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 3-2026 cho đến nay. Do đó, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị S và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Lâm Thị Thảo S và anh Hà Quốc T có một người con chung tên Hà Thị Kiều T1, sinh ngày 06-11- 2023. Chị S và anh T đều có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên trường hợp anh T yêu cầu nuôi con thì chị S đồng ý giao con cho anh T nuôi. Cháu Hà Thị Kiều T1 đang trong thời kỳ phát triển tâm, sinh lý và từ khi chị S và anh T sống ly thân cho đến nay, cháu Hà Thị Kiều T1 đang sống ổn định với anh T, để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của con chung cần giao cháu Hà Thị Kiều T1 cho anh T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên tự lao động sinh sống được, là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; sau khi ly hôn, chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lâm Thị Thảo S và anh Hà Quốc T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Lâm Thị Thảo S và anh Hà Quốc T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị Lâm Thị Thảo S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013693 ngày 08-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị Lâm Thị Thảo S đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Thảo S đối với anh Hà Quốc T về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Thảo S được ly hôn với anh Hà Quốc T.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Thị Kiều T1, sinh năm 2023 cho anh Hà Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ghi nhận anh Hà Quốc T không yêu cầu chị Lâm Thị Thảo S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lâm Thị Thảo S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Lâm Thị Thảo S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013693 ngày 28-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị Lâm Thị Thảo S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

4. Về quyền thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
 - VKSND tỉnh TN;
 - VKSND KV 10 TN;
 - THADS tỉnh TN;
 - UBND xã Hoà Hội, tỉnh TN;
 - Đương sự;
 - Lưu hồ sơ.
- (03.D01.149.10.973655)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Ngô Thị Cẩm Loan